

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-12-2017

V/v tranh chấp: "Ly hôn
và nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Long
2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Lo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T** (T1), sinh năm 1989. Trú tại: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Thái Hoàng K**, sinh năm 1983. Trú tại: ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Trần Thị T ngày 16-10-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông K tự nguyện chung sống với nhau và có tổ chức đám cưới từ năm 2004. Đến ngày 01/02/2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P. Sau khi chung sống với nhau vợ chồng ông bà sống bên gia đình cha mẹ chồng khoảng 02 năm thì cất nhà ra ở riêng nhờ trên đất của ông nội chồng.

Khoảng năm 2006 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông K thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện gây gổ với vợ con. Nghề nghiệp của ông K lúc đầu làm ruộng và chạy xe ôm, sau đó đến năm 2014 ông K mới đi làm hồ. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do kinh tế gia đình khó khăn. Ông K còn tham gia đá gà và thường xuyên nhậu nhẹt không lo cho gia đình, bà có khuyên nhiều lần nhưng ông K không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đến năm 2016 bà về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Thái Hoàng K.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Thái Hoàng N (nam), sinh ngày 05/4/2005 và Thái N1 (nữ), sinh ngày 12/3/2011. Hai cháu bà đang nuôi dưỡng. Bà xin tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T thay đổi yêu cầu nuôi con, bà cho rằng cháu Thái Hoàng N hiện đang sống với cha và cháu N có nguyện vọng tiếp tục sống với cha nên bà đồng ý để cho ông K nuôi dưỡng cháu N. Còn cháu Thái N1 hiện đang sống với bà nên bà xin tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo các lời khai của ông Thái Hoàng K trong quá trình giải quyết, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ như T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông không có đi đá gà như T trình bày, chỉ lâu lâu đá gà với anh em để nhậu chơi, chứ tôi không có bài bạc. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên ông không đồng ý ly hôn.

Do ông không đồng ý ly hôn nên về con chung và tài sản chung ông không có ý kiến gì.

Nợ chung: không có.

Ông xin Tòa án tạo điều kiện cho ông 01 tháng để ông có biện pháp thuyết phục vợ đoàn tụ.

Tuy nhiên, sau 01 tháng kể từ ngày hòa giải đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K đến Tòa để giải quyết, nhưng ông luôn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Trần Thị T có đơn khởi kiện đối với ông Thái Hoàng K về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con. Bà T và ông K chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2008 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Ông K có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải lần đầu, bị đơn có mặt. Sau đó, mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông K luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên Tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về yêu cầu của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị T và ông Thái Hoàng K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 01/02/2008 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét thấy mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và đã có 02 con chung, nhưng khi mâu thuẫn xảy ra, ông bà không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa, mà để tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ năm 2016 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, lần hòa giải ngày 06/11/2017 ông K có mặt nhưng không đồng ý ly hôn và xin Tòa án gia hạn thời hạn giải quyết 01 tháng để ông khuyên bà T quay về đoàn tụ nhưng từ sau đó, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ, ông K vẫn luôn vắng mặt không có lý do. Còn bà T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy ông K cho rằng còn thương vợ, không muốn ly hôn nhưng từ khi Tòa án hòa giải đến nay, ông K không có biện pháp nào để cho vợ chồng xóa bỏ mâu thuẫn và quay về chung sống với nhau. Mặt khác, từ sau lần hòa giải đầu, ông K luôn vắng mặt không có lý do. Điều này

cho thấy ông K không có thiện chí đoàn tụ, vì vậy xét mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà được ly hôn với ông K là phù hợp.

Về con chung:

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Thái Hoàng N (nam), sinh ngày 05/4/2005 và Thái N1 (nữ), sinh ngày 12/3/2011.

Đối với cháu Thái Hoàng N: theo lời khai của cháu ngày 09/11/2017, cháu N có nguyện vọng sống với ông K. Xét thấy, cháu N đang sống với cha, hiện nay cháu được 12 tuổi và có nguyện vọng sống với cha. Tuy nhiên, ông K vắng mặt không có ý kiến nên tạm giao cháu N cho ông K nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Đối với cháu Thái N1: Hiện tại cháu 06 tuổi và là nữ; bà T có nguyện vọng xin nuôi cháu. Bà T đang có nghề nghiệp là thợ may, thu nhập bình quân 6.000.000đ/ tháng. Xét thấy, bà T có điều kiện để nuôi con nên cần tiếp tục giao cháu N1 cho bà trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản, theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Cả hai đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Cả hai đều xác định không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T (T1) được ly hôn với ông Thái Hoàng K.

2/ Về con chung:

Tạm giao cháu Thái Hoàng N (nam), sinh ngày 05/4/2005 cho ông Thái Hoàng K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chưa giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

Giao cháu Thái N1 (nữ), sinh ngày 12/3/2011 cho bà Trần Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho người không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Cả hai đều xác định không có. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

5/ Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 005065 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà Thủy đã nộp xong án phí.

6/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị

đơn, các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã T, huyện P (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Phi Long